

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính của
Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014; Luật doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô tại Tờ trình số 16/TTr-CT ngày 28 tháng 6 năm 2017, ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 1892/STC-TCĐN ngày 03 tháng 8 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô theo quy định, bảo đảm Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô thực hiện đúng Quy chế Quản lý tài chính đã được phê duyệt. Kịp thời xử lý những phát sinh trong quá trình thực hiện Quy chế Quản lý tài chính của Công ty, trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

2. Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này. Định kỳ hằng năm báo cáo việc thực hiện gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Các Giám đốc Sở: Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, KT5, NNTN. *hs*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn

**QUY CHẾ
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY
TNHH MTV LÂM NGHIỆP ĐẮK TÔ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **841** /QĐ-UBND
ngày **28** tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Điều khoản chung

1. Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, tự chủ về mặt tài chính và chịu trách nhiệm hữu hạn trước pháp luật về các khoản nợ trong phạm vi số vốn của Công ty.
3. Công ty được mở tài khoản giao dịch bằng đồng Việt Nam và bằng ngoại tệ tại các Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước ở Việt Nam.
4. Công ty có các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc là Lâm trường Ngọc Linh, Trung tâm Sâm Ngọc Linh (gọi tắt là đơn vị) được Công ty giao tài sản, quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh theo hình thức báo sổ.
5. Công ty có một đơn vị thành viên là công ty TNHH MTV Lâm trường Đắk Tô (công ty con) do công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô (công ty mẹ) thành lập làm chủ sở hữu nắm giữ 100% vốn điều lệ. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, tự chủ về mặt tài chính và chịu trách nhiệm hữu hạn trước pháp luật về các khoản nợ trong phạm vi số vốn của Công ty.
7. Công ty có một Ban quản lý Dự án 5 triệu ha rừng là đơn vị kiêm nhiệm do Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định thành lập nằm trong công ty, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng hoạt động theo cơ chế đơn vị sự nghiệp.
8. Các đơn vị, cá nhân có trách nhiệm quản lý tốt tài sản, vật tư, tiền vốn được giao và chịu trách nhiệm bồi hoàn thiệt hại nếu làm thất thoát.
9. Giám đốc các đơn vị là người chịu trách nhiệm trước Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty và pháp luật về quản lý tài sản, tài chính tại đơn vị mình.
10. Các đơn vị chịu sự kiểm tra, giám sát và thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo của các cơ quan quản lý Nhà nước, Kiểm soát viên và Công ty,
11. Nguyên tắc chung trong quản lý thu chi: Mọi hoạt động thu, chi tại các đơn vị phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, quy chế của Công ty và phải được quản lý chặt chẽ.

12. Các khoản thu, chi phát sinh bằng ngoại tệ phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại tệ của nhà nước, đồng thời phải quy đổi ra tiền VND theo tỷ giá bán ra trên thị trường liên ngân hàng để hạch toán.

13. Các khoản thu, chi phải đảm bảo đúng đối tượng, đúng chế độ quy định về phân cấp, quy trình, thủ tục, định mức, hoá đơn chứng từ, hồ sơ. Đơn vị, cá nhân lập chứng từ thu chi không, thu chi không đúng quy định và người quyết định thu, chi sai chế độ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi hoàn thiệt hại (nếu có).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Tài sản của Công ty là bao gồm toàn bộ tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, tài sản lưu động như: nguyên, nhiên vật liệu, hàng hoá, vốn bằng tiền, các khoản phải thu, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, đầu tư tài chính dài hạn và chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

2. Vốn của Công ty bao gồm: Vốn điều lệ, vốn huy động, vốn tích lũy và các loại vốn khác theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

3. Vốn điều lệ là số vốn Nhà nước đầu tư vào Công ty.

4. Vốn huy động của Công ty là số vốn Công ty huy động theo các hình thức: Vay của tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các hình thức huy động khác mà pháp luật không cấm.

5. Vốn tích lũy là số vốn của Công ty được hình thành từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

6. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty là việc sử dụng vốn của Công ty dưới các hình thức đầu tư vào doanh nghiệp khác; và các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

7. Công ty con là doanh nghiệp mà Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô (Công ty mẹ) nắm giữ phần vốn chi phối, chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

8. Các lâm trường, Trung tâm Sâm Ngọc Linh, Chi nhánh mà công ty thành lập chịu sự kiểm soát của Công ty.

9. Người đại diện vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác là người được Chủ tịch Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô giới thiệu tham gia vào cơ quan quản lý điều hành của Công ty liên kết hoặc người được cử ra để nhân danh Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô.

10. Đơn vị trực thuộc: Các lâm trường, trung tâm hạch toán phụ thuộc do Công ty thành lập và không có tư cách pháp nhân đầy đủ theo pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý tài chính

1. Công ty thực hiện theo các quy định về quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước và Điều lệ Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đắk Tô (sau đây gọi là Điều lệ Công ty).

2. Công ty thực hiện theo nguyên tắc quản lý tài chính tập trung và có sự ủy quyền phân cấp cho các đơn vị trực thuộc.

3. Công ty chịu sự kiểm tra, giám sát về mặt tài chính của các cơ quan quản lý Nhà nước, kiểm soát viên theo quy định pháp luật, nội dung quy định trong Điều lệ Công ty và quy chế này.

Điều 4. Quyền quản lý tài chính của Công ty

1. Huy động vốn để kinh doanh dưới hình thức vay vốn của tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức ngoài doanh nghiệp; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

Việc huy động vốn để kinh doanh thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu Công ty.

2. Chủ động sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty; được thành lập, sử dụng và quản lý các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích khấu hao tối thiểu phải bảo đảm bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định và không thấp hơn tỷ lệ trích khấu hao tối thiểu do Bộ Tài chính quy định.

4. Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước không đủ bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ này của Công ty.

5. Được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư, tái đầu tư theo quy định của pháp luật.

6. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

7. Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, chuyển lỗ theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, phần lợi nhuận thực hiện còn lại được phân chia và sử dụng theo quy định của pháp luật. Trường hợp Công ty còn nợ đến hạn phải trả mà chưa trả hết thì chỉ được tăng lương, trích thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả người quản lý sau khi đã trả hết nợ đến hạn.

8. Chuyển nhượng, thanh lý, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền của Công ty trên nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn và theo quy định của pháp luật.

9. Có các quyền khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nghĩa vụ quản lý tài chính của Công ty

1. Quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh, tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Nhà nước giao, cho thuê.

2. Chấp hành đầy đủ chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp đối với các hoạt động tài chính của Công ty.

3. Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, công khai tài chính hằng năm và cung cấp các thông tin cần thiết để đánh giá trung thực về hiệu quả hoạt động của Công ty.

4. Hạch toán các hoạt động kinh doanh và hoạt động công ích theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác về tài chính theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Chương II **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN**

Điều 6. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty được xác định tại thời điểm ngày 10 tháng 02 năm 2012 là 52.812.000.000 đồng.

2. Vốn điều lệ của Công ty chỉ được sử dụng cho mục đích hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp vốn, liên doanh, thực hiện các hình thức đầu tư tài chính khác.

Điều 7. Bảo toàn vốn

1. Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đã đầu tư tại doanh nghiệp. Mọi biến động về tăng, giảm vốn chủ sở hữu, Công ty phải báo cáo chủ sở hữu và Sở Tài chính để theo dõi, giám sát. Định kỳ 6 tháng và hằng năm, Công ty phải đánh giá hiệu quả sử dụng vốn thông qua chỉ tiêu mức độ bảo toàn vốn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Việc bảo toàn vốn chủ sở hữu tại Công ty được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

a) Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính khác và chế độ kế toán theo quy định của pháp luật;

b) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật;

c) Xử lý kịp thời giá trị tài sản tổn thất, các khoản nợ không có khả năng thu hồi và trích lập các khoản dự phòng rủi ro gồm: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho; Dự phòng các khoản phải thu khó đòi; Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn và Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp;

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Huy động vốn

1. Ngoài vốn điều lệ, Công ty được quyền vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính; vay của tổ chức, cá nhân ngoài doanh nghiệp, của người lao động; phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

2. Hình thức và thủ tục huy động vốn theo chiến lược phát triển, Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật. Công ty chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng vốn vay, hoàn trả đầy đủ gốc và lãi cho chủ nợ theo cam kết. Nguyên tắc huy động vốn như sau:

a) Căn cứ chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của công ty đã được phê duyệt;

b) Phương án huy động vốn phải bảo đảm khả năng thanh toán nợ;

c) Chủ tịch, Giám đốc công ty phải chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra bảo đảm vốn huy động được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả;

d) Việc huy động vốn của tổ chức, cá nhân trong nước phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật; trường hợp vay vốn từ nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư phát triển và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Việc huy động vốn của tổ chức, cá nhân nước ngoài, vay hoặc phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền phê duyệt hợp đồng vay vốn được thực hiện như sau: Chủ tịch Công ty quyết định phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

4. Trong trường hợp đặc biệt, Công ty được huy động vốn của các đối tượng khác để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, với mức lãi suất không quá 1,2 lần mức lãi suất cho vay cùng thời điểm của ngân hàng thương mại có quan hệ giao dịch với Công ty.

5. Ngoài ra, Công ty có những quyền và nghĩa vụ tương ứng trong việc huy động, sử dụng các nguồn vốn khác không trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

6. Thuê tài chính: Công ty được quyền huy động vốn thông qua hình thức thuê tài chính để đầu tư tài sản cố định, với điều kiện mức lãi suất không cao hơn mức lãi suất cho vay cùng thời điểm của ngân hàng thương mại có quan hệ giao dịch với Công ty.

Điều 9. Đầu tư vốn ra ngoài Công ty

1. Công ty được quyền sử dụng vốn, tài sản thuộc quyền quản lý của Công ty để đầu tư ra ngoài Công ty. Việc đầu tư ra ngoài Công ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật và đảm bảo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của Công ty.

2. Các hình thức đầu tư ra ngoài Công ty:

a) Góp vốn, mua cổ phần để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới;

b) Mua cổ phần tại công ty cổ phần, mua phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh đang hoạt động;

c) Mua lại toàn bộ doanh nghiệp khác;

d) Mua công trái, trái phiếu;

d) Các hình thức đầu tư khác ra ngoài doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch, Giám đốc Công ty có trách nhiệm kiểm tra giám sát việc sử dụng vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác, chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn đầu tư ra ngoài Công ty; thu được lợi nhuận từ việc đầu tư này.

4. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư vào các doanh nghiệp khác:

a) Giám đốc công ty được quyết định các dự án đầu tư vào các doanh nghiệp khác có giá trị nhỏ hơn 10% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công;

b) Chủ tịch công ty quyết định các dự án đầu tư vào các doanh nghiệp khác có giá trị từ 10% đến nhỏ hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án nhưng không quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công;

c) Các Dự án đầu tư vào các doanh nghiệp khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính của Công ty công bố tại quý gần nhất thì phải trình chủ sở hữu cho phép, quyết định trước khi thực hiện.

5. Các trường hợp không được đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a) Góp vốn, mua cổ phần, mua toàn bộ doanh nghiệp khác mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của doanh nghiệp;

b) Góp vốn cùng công ty con để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Điều 10. Nhượng bán phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Công ty có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn của Công ty đã đầu tư vào doanh nghiệp khác. Chủ tịch công ty quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định chủ trương.

2. Đối với công ty con có 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu Công ty mẹ, việc chuyển nhượng toàn bộ hay một phần vốn của Công ty thực hiện theo qui chế bán đấu giá doanh nghiệp.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN TẠI CÔNG TY

Điều 11. Quản lý và sử dụng vốn, quỹ

1. Công ty được quyền chủ động sử dụng linh hoạt toàn bộ vốn điều lệ, các loại vốn khác, các quỹ do Công ty quản lý vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty chịu trách nhiệm quản lý, bảo toàn và phát triển vốn một cách có hiệu quả.

2. Các đơn vị được chủ động thu, chi bằng tiền mặt theo đúng chế độ quy định của Công ty. Mọi khoản thu, chi bằng tiền mặt phải đúng đối tượng và phải lập phiếu thu, phiếu chi. Nghiêm cấm hành vi thủ quỹ chi tiền mặt khi chưa có phiếu chi.

3. Đơn vị phải chịu trách nhiệm bảo quản an toàn tiền mặt tại quỹ. Kết đọng tiền phải để tại nơi an toàn, bảo đảm phòng cháy, chữa cháy tốt, tránh ẩm mốc, nước tràn... Khi tiền mặt tồn quỹ bị mất trộm các đơn vị phải lập ngay biên bản đồng thời báo cáo với cơ quan công an và lãnh đạo Công ty.

4. Các đơn vị và Phòng Kế toán - Tài chính phải tiến hành kiểm quỹ tiền mặt đột xuất ít nhất một lần hằng quý.

5. Khi kết thúc tháng, quý, năm, các đơn vị phải tiến hành kiểm quỹ tiền mặt, lập biên bản và đối chiếu số liệu giữa thực tế và sổ sách.

6. Các khoản chi từ 20 triệu đồng trở lên phải thanh toán qua ngân hàng.

7. Công ty khuyến khích thanh toán không dùng tiền mặt.

Điều 12. Công nợ tạm ứng

1. Tạm ứng là việc ứng trước một khoản tiền cho cán bộ công nhân viên nhằm giải quyết các công việc phát sinh thường xuyên hoặc giải quyết một vụ việc cụ thể nào đó đã được lãnh đạo đơn vị (*Giám đốc công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc*) phê duyệt.

2. Bộ phận, cá nhân tạm ứng chỉ được chi tiêu tiền đã tạm ứng theo đúng mục đích và nội dung công việc đã được phê duyệt.

3. Đối với khoản tạm ứng mang tính chất thường xuyên như: Chi phí nhiên liệu cho xe, vé cầu, phà, chi phí điện, nước, hoa tươi, trà nước tiếp khách, văn phòng phẩm... định kỳ hoặc sau khi có chứng từ các khoản chi thực tế đã phát sinh. Các phòng, đơn vị, cá nhân tạm ứng tiền phải lập giấy đề nghị thanh toán tạm ứng để thanh toán số tiền đã chi.

4. Đối với khoản tạm ứng cho một công việc cụ thể, căn cứ dự toán được duyệt hoặc từng công việc phát sinh đã được lãnh đạo đơn vị đồng ý, bộ phận, cá nhân thực hiện tiến hành các thủ tục tạm ứng tiền. Sau khi công việc đã hoàn tất, chậm nhất là 15 ngày làm việc, bộ phận, cá nhân đã tạm ứng phải làm thủ tục thanh quyết toán tạm ứng.

a) Tạm ứng đối với công nhân viên: Người nhận tạm ứng là người của Công ty, căn cứ vào dự toán vào hợp đồng hoặc kế hoạch được giao mà người nhận tạm

ứng đề nghị được nhận bằng tiền mặt, bằng chuyển khoản hay bằng vật tư với một khoản tiền cụ thể. Đề nghị tạm ứng được Trưởng bộ phận hoặc Giám đốc, Đội trưởng đồng ý và xác nhận sẽ được Phòng Kế hoạch vật tư (nếu là vật tư) hoặc Phòng Kế toán kiểm soát (nếu là tiền) kiểm soát đủ điều kiện tạm ứng trước khi trình Giám Đốc phê duyệt;

b) Tạm ứng đối với nhà thầu: Căn cứ vào hợp đồng giao công việc, công trình hoặc dịch vụ có ghi trong hợp đồng kinh tế Phòng Kế toán - Tài chính kiểm soát đủ điều kiện tạm ứng, trình Giám đốc phê duyệt. Nếu tạm ứng đợt 2 phải có giá trị nghiệm thu của đợt 1 (kèm hoá đơn GTGT hoặc chứng từ hợp lý theo cụ thể điều kiện tạm ứng và thanh toán ghi trong hợp đồng) đã được Giám đốc phê duyệt;

c) Tạm ứng đối với người bán, người cung cấp dịch vụ: Căn cứ vào hợp đồng mua bán hoặc cung cấp dịch vụ, Phòng Kế toán - Tài chính kiểm soát đủ điều kiện tạm ứng trình Giám đốc phê duyệt, nếu muốn tạm ứng đợt 2 phải có hoá đơn GTGT chứng từ hợp lý cụ thể điều kiện tạm ứng và thanh toán ghi trong hợp đồng và Phòng Kế hoạch vật tư nhập kho (nếu là vật tư), đơn vị sử dụng xác nhận nếu là cung cấp dịch vụ.

5. Kế toán quản lý công nợ tạm ứng có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, đôn đốc thanh toán các khoản công nợ tạm ứng. Các đối tượng có biểu hiện dây dưa công nợ thì phải giải quyết dứt điểm công nợ cũ mới được tiếp tục tạm ứng mới. Trường hợp dây dưa công nợ quá 01 tháng kế toán phải báo cáo lãnh đạo đơn vị để xử lý, nếu quá 45 ngày phải báo cáo lãnh đạo Công ty.

6. Trường hợp phát hiện người tạm ứng chiếm đoạt tiền tạm ứng, Phòng Kế toán phải báo báo ngay cho lãnh đạo Công ty để xử lý kịp thời.

Điều 13. Quản lý hàng tồn kho

1. Hàng tồn kho là hàng hoá mua về còn tồn kho như: Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ tồn kho hoặc đã mua đang đi trên đường, sản phẩm dở dang trong quá trình sản xuất, sản phẩm hoàn thành nhưng chưa nhập kho, thành phẩm tồn kho, thành phẩm đang gửi bán và hàng hóa tại kho người bán chưa nhận về kho.

2. Hàng tồn kho là công cụ lao động được phân bổ giá trị vào chi phí sản xuất trong 1 năm hoặc 2 năm tùy thuộc vào tính chất và giá trị tài sản. Khi phân bổ hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng thì phải tiếp tục theo dõi chi tiết để quản lý.

3. Công ty có trách nhiệm kiểm tra, xử lý ngay những hàng hoá tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng, chậm luân chuyển để thu hồi vốn.

4. Cuối kỳ kế toán, khi giá gốc hàng tồn kho ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì Công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định của Bộ Tài Chính. Mức trích lập hàng tồn kho phải đảm bảo bù đắp được khoản chênh lệch giá so với thị trường tại thời điểm kiểm kê hàng tồn kho.

Điều 14. Quản lý các khoản nợ phải thu

1. Công ty tổ chức quản lý nợ phải thu khó đòi theo các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý, xử lý nợ tồn đọng, mở sổ theo dõi các khoản nợ theo

từng đối tượng nợ, thường xuyên phân loại các khoản nợ (*nợ luân chuyển, nợ khó đòi, nợ không có khả năng thu hồi*), đối chiếu công nợ, đôn đốc thu hồi nợ.

2. Công ty được quyền bán các khoản nợ phải thu để thu hồi vốn theo quy định của pháp luật, gồm cả khoản nợ phải thu trong hạn, nợ phải thu khó đòi, nợ phải thu không đòi được. Giá bán các khoản nợ do hai bên thỏa thuận.

3. Nợ phải thu khó đòi là các khoản nợ quá hạn thanh toán theo quy định ghi trên hợp đồng hoặc các cam kết khác hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng đối tượng thiếu nợ khó có khả năng thanh toán. Công ty phải trích lập quỹ dự phòng đối với khoản nợ phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

4. Đối với các khoản nợ không có khả năng thu hồi, Công ty có trách nhiệm xử lý. Số nợ không có khả năng thu hồi được sau khi trừ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể có liên quan được bù đắp bằng các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính. Nếu còn thiếu thì được Giám đốc trình Chủ tịch Công ty để báo cáo chủ sở hữu xem xét, cho ý kiến trước khi xử lý.

5. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Công ty, về các khoản nợ phải thu của Công ty. Khi ký hợp đồng phải tính toán khả năng thanh toán, thời hạn thanh toán và hiệu quả kinh tế của từng hợp đồng.

6. Đối với các tổn thất do không thu hồi nợ kịp thời, đầy đủ do nguyên nhân chủ quan gây ra, cá nhân, tập thể liên quan vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường. Chủ tịch Công ty quyết định mức bồi thường hoặc ủy quyền cho Giám đốc quyết định.

7. Xử lý các khoản nợ khó đòi phải có đủ căn cứ tài liệu chứng minh, tổng hợp và giải trình trong báo cáo tài chính hàng năm. Số công nợ thực sự không đòi được đã được xử lý, kế toán phải tiếp tục theo dõi trên sổ kế toán (*ngoài bảng cân đối kế toán*) để khi thu được nợ phải hạch toán vào thu nhập của Công ty.

8. Những khách hàng có giao dịch mua, bán hàng thường xuyên với Công ty có dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng cần tiến hành kiểm tra, đối chiếu (*bằng văn bản*) từng khoản công nợ phát sinh, đã thu hồi, số còn nợ. Đối với những khách hàng không thanh toán bằng tiền mặt, chuyển khoản mà thanh toán bằng hàng (*trường hợp hàng đổi hàng*) hoặc bù trừ giữa nợ phải thu và nợ phải trả cần có đủ các chứng từ hợp pháp, hợp lệ liên quan như biên bản đối chiếu công nợ, biên bản bù trừ công nợ...

Điều 15. Tài sản cố định, đầu tư xây dựng và mua sắm tài sản cố định

1. Công ty được lựa chọn các phương án Đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định, đổi mới thiết bị công nghệ hoặc thay đổi cơ cấu tài sản phù hợp với mục tiêu kinh doanh, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và vốn.

2. Công ty có quyền thay đổi cơ cấu tài sản phục vụ cho việc phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Việc mua sắm, đầu tư xây dựng mới, cải tạo mở rộng tài sản cố định phải tuân thủ theo quy định hiện hành của nhà nước và của Công ty, đồng thời đảm bảo hiệu quả kinh tế khả thi được thẩm định từ việc đầu tư.

4. Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng thực hiện theo quy định dưới đây:

a) Giám đốc được quyết định các dự án đầu tư, xây dựng có giá trị nhỏ hơn 10% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án;

b) Chủ tịch công ty quyết định các dự án đầu tư, xây dựng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% đến dưới 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án;

c) Các dự án đầu tư, xây dựng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính của Công ty công bố tại quý gần nhất thì phải trình chủ sở hữu xem xét, quyết định.

5. Trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng.

6. Đánh giá tài sản: Công ty thực hiện việc đánh giá tài sản trong các trường hợp sau:

a) Theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

b) Dùng tài sản để đầu tư ra ngoài công ty như: Góp vốn liên doanh, góp cổ phần (*đem góp và khi nhận tài sản*)...;

c) Điều chỉnh giá để đảm bảo giá trị thực tế của tài sản của Công ty. Việc kiểm kê và đánh giá lại tài sản phải tuân thủ theo đúng quy định của nhà nước.

Điều 16. Cho thuê, cầm cố, thế chấp tài sản

1. Công ty có quyền cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Việc sử dụng tài sản để cho thuê, thế chấp, cầm cố phải tuân theo đúng các quy định của Nhà nước, cụ thể:

a) Đối với tài sản cho thuê hoạt động, Công ty phải trích khấu hao, mức trích khấu hao do Giám đốc quyết định theo quy định của Bộ Tài chính;

b) Công ty được đem tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng để cầm cố, thế chấp vay vốn hoặc bảo lãnh tại các tổ chức tín dụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

2. Trường hợp những tài sản nhận cầm cố, nhận thế chấp của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khác đã quá hạn theo cam kết thì được xử lý theo quy định pháp luật.

3. Tài sản đem cầm cố, thế chấp phải có chứng từ, tài liệu chứng minh, tổng hợp và giải trình trong báo cáo tài chính hàng năm.

Điều 17. Việc trích, sử dụng tiền khấu hao tài sản cố định

1. Tất cả tài sản cố định hiện có của Công ty đều phải trích khấu hao, gồm cả tài sản cố định không cần dùng, chờ thanh lý, trừ những tài sản cố định thuộc công trình phúc lợi công cộng. Đối với các tài sản cố định đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn đang sử dụng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh thì không phải trích khấu hao. Công ty áp dụng mức trích khấu hao cho từng loại tài sản cố định theo đúng quy định của Bộ Tài chính. Giám đốc quyết định mức khấu hao cụ thể của từng tài sản và theo tình hình thực tế của đơn vị để có mức trích khấu hao phù hợp nhưng không được thấp hơn mức quy định của Bộ Tài chính.

2. Khấu hao tài sản cố định dựa trên các nguyên tắc hiện hành (*phương pháp khấu hao nhanh và khấu hao đường thẳng*) đảm bảo để thu hồi vốn để tái đầu tư, thay đổi công nghệ.

3. Chi phí khấu hao tài sản cố định được hạch toán theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.

4. Đối với những tài sản cố định chưa khấu hao hết đã hư hỏng, mất mát phải xác định nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân để xử lý, bồi thường, Giám đốc quyết định mức bồi thường. Chênh lệch giữa giá trị còn lại của tài sản với tiền bồi thường và giá trị thu hồi được hạch toán vào chi phí khác của Công ty.

5. Toàn bộ vốn do trích khấu hao tài sản cố định được dùng để tái đầu tư, thay thế, đổi mới tài sản và sử dụng vốn cho nhu cầu kinh doanh. Giám đốc Công ty sử dụng vốn khấu hao, các loại vốn và quỹ để đầu tư xây dựng cơ bản theo thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định.

Điều 18. Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn

1. Công ty chủ động nhượng bán, thanh lý để thu hồi vốn đối với tài sản lạc hậu kỹ thuật, tài sản hư hỏng không phục hồi được, tài sản đã hết thời gian sử dụng, tài sản không có nhu cầu sử dụng hoặc không sử dụng được và các khoản đầu tư dài hạn không có nhu cầu tiếp tục đầu tư.

Giám đốc quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 10% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Chủ tịch Công ty có thể ủy quyền cho Giám đốc quyết định nhượng bán, thanh lý tài sản cố định có giá trị lớn hơn 10% đến nhỏ hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của công ty thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty theo điều lệ. Các phương án lớn hơn mức thuộc thẩm quyền Chủ tịch công ty quyết định thì phải xin ý kiến chủ sở hữu trước khi thực hiện.

2. Khi nhượng bán, thanh lý tài sản, vật tư, Công ty phải lập Hội đồng thanh lý hoặc thuê tổ chức tư vấn độc lập để xác định tình trạng kỹ thuật, giá trị, phương án, thông báo rộng rãi việc bán tài sản và tổ chức bán đấu giá công khai. Việc nhượng bán tài sản được thực hiện thông qua tổ chức bán đấu giá hoặc do Công ty tự tổ chức thực hiện công khai theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản (*khi thấy cần thiết*). Trường hợp nhượng bán tài sản cố định có giá trị còn lại ghi trên sổ kế toán dưới 100 triệu đồng, Giám đốc quyết định lựa chọn bán theo phương thức đấu giá hoặc thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá thị trường. Trường hợp tài sản cố định không có giao dịch trên thị trường thì doanh

nghiệp được thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định giá làm cơ sở bán tài sản theo các phương thức trên.

3. Hạch toán nguyên giá, giá trị còn lại và chi phí thanh lý nhượng bán tài sản phải tuân thủ chế độ kế toán hiện hành.

4. Các khoản đầu tư dài hạn theo điều lệ quy định.

Điều 19. Kiểm kê tài sản

1. Công ty phải tổ chức kiểm kê vào thời điểm 24h ngày 31/12 hằng năm nhằm xác định số lượng tài sản (*tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn*), đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu khi khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm.

2. Giám đốc Công ty có quyền chỉ đạo kiểm kê đột xuất tình hình sử dụng tài sản các cá nhân, bộ phận phòng ban trong công ty hoặc công ty con và các đơn vị trực thuộc công ty.

3. Công ty phải tổ chức kiểm kê khi thực hiện quyết định chia, tách, sát nhập, hợp nhất, chuyển đổi sở hữu; sau khi xảy ra thiên tai, địch họa hoặc vì lý do nào đó gây ra biến động tài sản của Công ty hoặc theo chủ trương của Nhà nước. Việc xử lý tài sản tổn thất được thực hiện theo Điều 20 Quy chế này.

4. Công ty phải tổ chức kiểm kê, xác định số lượng tài sản (*tài sản cố định và đầu tư dài hạn, tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn*), đối chiếu các khoản công nợ phải trả, phải thu khi khoá sổ kế toán để lập báo cáo tài chính năm. Đối với tài sản thừa, thiếu, không thu hồi được, nợ quá hạn cần xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của những người có liên quan và xác định mức bồi thường vật chất theo quy định.

Việc kiểm kê tài sản phải được thực hiện hằng năm ít nhất một lần. Ngoài ra, khi có yêu cầu từ chủ tịch công ty, kiểm soát viên thì việc kiểm kê phải được tiến hành theo kế hoạch.

Điều 20. Xử lý tổn thất tài sản

Khi xảy ra tổn thất tài sản (*mất mát, thiếu hụt, hư hỏng, kém phẩm chất, làm giảm giá trị của tài sản*) Công ty phải tiến hành xác định ngay nguyên nhân, mức độ tổn thất, quy trách nhiệm và lập phương án xử lý theo các nguyên tắc sau:

1. Đối với những tổn thất do nguyên nhân chủ quan thì cá nhân, tập thể gây ra tổn thất phải bồi thường, cụ thể:

a) Mức thiệt hại có giá trị nhỏ hơn 10% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, Giám đốc có thẩm quyền quyết định xử lý;

b) Mức thiệt hại có giá trị từ 10% đến nhỏ hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, Chủ tịch Công ty quyết định xử lý theo đề nghị của Giám đốc.

2. Đối với những tổn thất do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng thì thông báo cho đơn vị bảo hiểm xử lý bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm (*nếu có*).

3. Trường hợp đặc biệt do thiên tai hoặc do nguyên nhân bất khả kháng gây thiệt hại nghiêm trọng, Công ty không thể tự khắc phục được thì Giám đốc lập phương án xử lý tổn thất trình Chủ tịch Công ty, cơ quan tài chính có thẩm quyền. Sau khi có ý kiến của cơ quan tài chính có thẩm quyền, Chủ tịch Công ty quyết định việc xử lý tổn thất theo thẩm quyền.

4. Giá trị tài sản tổn thất sau khi đã bù đắp bằng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể, của tổ chức bảo hiểm nếu thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của Công ty. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được Giám đốc trình Chủ tịch Công ty phương án xử lý. Nhằm đảm bảo cho Chủ tịch Công ty có được những thông tin kịp thời và chính xác về tình hình của Công ty. Quy định thời hạn chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày phát hiện tài sản bị tổn thất, Công ty phải báo cáo cho Chủ tịch về các trường hợp tổn thất và xử lý tổn thất có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.

Điều 21. Đánh giá lại giá trị tài sản

Kiểm kê đánh giá lại giá trị tài sản theo quy định của nhà nước, dùng tài sản để đầu tư ra ngoài Công ty và cơ quan có thẩm quyền cho phép. Việc kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản phải theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và có sự chứng nhận của đơn vị kiểm toán. Các khoản chênh lệch tăng hoặc giảm giá trị tài sản do đánh giá lại được ghi tăng hoặc giảm vốn điều lệ của Công ty.

Điều 22. Hội đồng định giá tài sản

Hội đồng nhượng bán tài sản, Hội đồng thanh lý tài sản, Hội đồng kiểm kê tài sản, Hội đồng nghiệm thu, Hội đồng đánh giá lại tài sản do Chủ tịch hoặc Giám đốc Công ty quyết định trong phạm vi thẩm quyền. Thành phần gồm: Đại diện Ban Giám đốc, kiểm soát viên các phòng ban liên quan và các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản.

Chương IV

QUẢN LÝ CHI PHÍ, DOANH THU VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Điều 23. Quản lý doanh thu và thu nhập khác

1. Doanh thu và thu nhập khác của Công ty được xác định phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

2. Doanh thu bao gồm doanh thu hoạt động sản xuất, kinh doanh và doanh thu hoạt động tài chính, trong đó:

a) Doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ của Công ty. Khi Công ty thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, doanh thu bao gồm cả các khoản trợ cấp của Nhà nước cho Công ty khi Công ty thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo nhiệm vụ nhà nước giao mà thu không đủ bù đắp chi;

b) Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm: Các khoản thu phát sinh từ tiền bản quyền, cho các bên khác sử dụng tài sản của Công ty, tiền lãi từ việc cho vay vốn, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi cho thuê tài chính; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, kể cả chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ có tỷ giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính thấp hơn tỷ giá ghi trên sổ kế toán; tiền thu từ chuyển nhượng vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác; lợi nhuận, cổ tức được chia từ việc đầu tư ra ngoài Công ty (bao gồm cả phần lợi nhuận sau thuế sau khi để lại trích các quỹ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp sở hữu 100% vốn điều lệ và cổ tức được chia bằng cổ phiếu tại các công ty có phần). Trường hợp lợi nhuận được chia đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thì Công ty không phải nộp thuế thu nhập đối với khoản lợi nhuận được chia này.

3. Thu nhập khác gồm các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng, giá trị tài sản trị tuế được bên nhận vốn góp chấp nhận, được ghi nhận là thu nhập khác của Công ty và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Việc xác định chi phí được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành; chi phí hoạt động kinh doanh gồm một số nội dung sau:

1. Chi phí sản xuất kinh doanh

a) Chi phí nguyên vật liệu, nhiên liệu, động lực, bán thành phẩm, dịch vụ mua ngoài (tính theo mức tiêu hao thực tế và giá gốc thực tế), chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ lao động, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định;

b) Chi phí khấu hao tài sản cố định theo quy định;

c) Chi phí tiền lương, tiền công, chi phí có tính chất lương phải trả cho người lao động do Chủ tịch công ty quyết định;

d) Kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế cho người lao động mà Công ty phải nộp theo quy định;

đ) Chi phí giao dịch, môi giới, tiếp khách, tiếp thị, xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội họp tính theo chi phí thực tế phát sinh trên nguyên tắc quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

e) Chi phí bằng tiền khác gồm: Các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty; Tiền thuê đất; Trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động; Đào tạo nâng cao năng lực quản lý, tay nghề của người lao động; Chi cho công tác y tế; Thương sáng kiến cải tiến, thưởng tăng năng suất lao động, thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí. Mức thưởng do Giám đốc Công ty quyết định căn cứ vào hiệu quả công việc trên mang lại nhưng

không được cao hơn số tiết kiệm chi phí do công việc đó mang lại trong 01 năm; Chi phí cho lao động nữ; Chi phí cho công tác bảo vệ môi trường; Chi phí ăn ca cho người lao động; Chi phí cho công tác Đảng, đoàn thể tại Công ty (*phần chi ngoài kinh phí của tổ chức Đảng, đoàn thể được chi từ nguồn quy định*) và các khoản chi phí bằng tiền khác.

g) Nợ phải thu không có khả năng thu hồi;

h) Giá trị các khoản dự phòng giảm giá hàng hóa tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp trích lập theo quy định, chênh lệch tỷ giá theo số dư khoản nợ vay dài hạn bằng ngoại tệ, chi phí trích trước bảo hành sản phẩm;

i) Chi phí hoạt động tài chính, bao gồm: các khoản chi liên quan đến đầu tư tài chính ra ngoài Công ty (*bao gồm các khoản chi phí do các bên góp vốn phải tự chi kể cả khoản lỗ được chia từ doanh nghiệp góp vốn*); giá trị vốn góp được chuyển nhượng, tiền lãi phải trả do huy động vốn, chênh lệch tỷ giá, chi phí chiết khấu thanh toán, chi phí cho thuê tài sản; dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn.

2. Chi phí khác, bao gồm: Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định gồm cả giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán; Chi phí cho việc thu hồi các khoản nợ đã xóa sổ kế toán; Chi phí để thu tiền phạt; Chi phí về tiền phạt do vi phạm hợp đồng và Các chi phí khác theo quy định của pháp luật.

3. Không tính vào chi phí sản xuất kinh doanh các khoản đã có nguồn khác đảm bảo hoặc không liên quan đến sản xuất kinh doanh sau đây: Chi phí mua sắm xây dựng, lắp đặt tài sản cố định hữu hình, vô hình; Chi phí lãi vay vốn được tính vào chi phí đầu tư và xây dựng; Các khoản chi phí khác không liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty; các khoản chi không có chứng từ hợp lệ; Các khoản tiền phạt về vi phạm pháp luật không mang danh Công ty mà do cá nhân gây ra.

Điều 25. Xử lý kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Giám đốc Công ty phải đề xuất các giải pháp cấp bách để Chủ tịch Công ty xem xét quyết định hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định: Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời quyết định các biện pháp để khắc phục.

Chương V

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ TRÍCH LẬP CÁC QUỸ

Điều 26. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ:

1. Lợi nhuận Công ty là lợi nhuận thực hiện cả năm là kết quả kinh doanh của công ty bao gồm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác, trong đó:

a) Lợi nhuận hoạt động kinh doanh là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu và giá thành toàn bộ của sản phẩm hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong năm tài chính của doanh nghiệp;

b) Lợi nhuận từ hoạt động tài chính là số thu lớn hơn số chi phí của các hoạt động tài chính, bao gồm: hoạt động cho thuê tài sản; mua bán chứng khoán; lãi tiền gửi ngân hàng thuộc vốn kinh doanh; lợi tức cổ phần và lợi nhuận được chia từ phần vốn góp liên doanh hoàn nhập số dư khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;

c) Lợi nhuận hoạt động bất thường là số thu lớn hơn số chi của các hoạt động bất thường, bao gồm: Khoản phải trả nhưng không trả được do phía chủ nợ; khoản nợ khó đòi đã duyệt bỏ nay thu hồi được; lợi nhuận từ quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; khoản thu vật tư, tài sản thừa sau khi đã bù trừ hao hụt mất mát; khoản chênh lệch do thanh lý, nhượng bán tài sản; lợi nhuận các năm trước phát hiện năm nay; hoàn nhập số dư các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng nợ phải thu khó đòi; tiền trích bảo hành sản phẩm còn thừa khi hết hạn bảo hành.

2. Phân phối thu nhập: Lợi nhuận của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối như sau:

a) Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có);

b) Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế;

c) Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các nội dung quy định tại các điểm a, b của khoản này được phân phối như sau:

- Trích Quỹ đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

- Trích 30% vào Quỹ đầu tư phát triển.

- Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi:

- + Công ty xếp loại A được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- + Công ty xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- + Công ty xếp loại C được trích 1 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- + Công ty không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

- Trích quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp:

- + Công ty xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của Viên chức quản lý doanh nghiệp;

- + Công ty xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của Viên chức quản lý doanh nghiệp;

- + Công ty xếp loại C hoặc Công ty không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp.

d) Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển quy định tại điều này mà không đủ nguồn để trích các Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên theo mức quy định thì công ty được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính;

d) Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại điều này được nộp về ngân sách nhà nước.

Điều 27. Mục đích sử dụng các quỹ

1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp dùng để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

2. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ cho Công ty.

3. Quỹ khen thưởng được dùng để:

a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty;

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty;

c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài doanh nghiệp có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

Mức thưởng theo quy định tại các điểm a, b, c nói trên do Giám đốc Công ty quyết định. Riêng mức thưởng tại điểm a cần có ý kiến của Công đoàn Công ty trước khi quyết định.

4. Quỹ phúc lợi được dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty;

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của tập thể người lao động trong Công ty;

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng;

d) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Chủ tịch Công ty quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Công đoàn Công ty.

5. Quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp được sử dụng để thưởng cho Chủ tịch công ty, Ban Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty. Mức thưởng do chủ sở hữu quyết định gắn với tiêu chí đánh giá các chức danh này và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Công ty.

6. Việc trích lập và sử dụng các quỹ nói trên phải được chấp thuận của chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của nhà nước.

7. Doanh nghiệp chỉ được chi các Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Chương VI **KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN,** **THỐNG KÊ VÀ KIỂM TOÁN**

Điều 28. Tài khoản Ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại ngân hàng hoạt động tại Việt Nam và có thể mở tài khoản tại ngân hàng ở nước ngoài. Việc mở tài khoản theo các quy định của pháp luật.

2. Công ty thiết lập tài khoản trung tâm và các công cụ quản lý phù hợp khác để quản lý và điều phối tập trung vốn bằng tiền của các đơn vị phụ thuộc, công ty con trong Công ty.

Điều 29. Kế hoạch tài chính

1. Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty đã được chủ sở hữu phê duyệt, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với kế hoạch định hướng của doanh nghiệp đã được chủ sở hữu quyết định.

2. Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực của Công ty và nhu cầu thị trường, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo trình Chủ tịch công ty quyết định.

3. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Chủ tịch công ty quyết định, Công ty thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp gửi chủ sở hữu, Sở Tài chính trước ngày 31/7 hằng năm.

4. Căn cứ vào ý kiến của chủ sở hữu, Công ty hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở cho chủ sở hữu và Sở Tài chính giám sát đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 30. Báo cáo tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch cùng năm.

2. Báo cáo tài chính của Công ty (*Công ty mẹ*), công ty con, các công ty liên kết, các đơn vị trực thuộc; báo cáo tài chính hợp nhất và các báo cáo, tài liệu bổ trợ khác được lập trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành. Báo cáo được chia làm 2 kỳ (*6 tháng một lần*) chậm nhất đến ngày 20 của quý tiếp theo phải hoàn thành và gửi về phòng Kế toán - Tài chính Công ty.

3. Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty phải được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động tại Việt Nam và kết quả kiểm toán phải báo cáo chủ tịch công ty và Đại hội cán bộ công nhân viên.

4. Cuối mỗi niên khóa, Chủ tịch công ty xem xét, thông qua Báo cáo tài chính để trình Đại hội cán bộ công nhân viên, trong đó bao gồm các nội dung sau:

- a) Bảng cân đối kế toán của Công ty;
- b) Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty;
- c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- d) Thuyết minh báo cáo tài chính.

5. Báo cáo này phải được gửi trước đến Chủ tịch công ty, Ban Giám đốc, Kiểm soát viên chậm nhất 15 ngày trước ngày diễn ra cuộc họp Đại hội cán bộ công nhân viên;

6. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải hoàn tất việc lập Báo cáo tài chính và gửi báo cáo tài chính tới các cơ quan quản lý có liên quan; Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán phải được gửi đến kiểm soát viên của Công ty để xem xét có ý kiến bằng văn bản trình Chủ tịch công ty. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Báo cáo tài chính phải được trình Đại hội cán bộ công nhân viên.

7. Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu báo cáo tài chính và các thông tin tài chính khác.

Điều 31. Chế độ kế toán thống kê và kiểm toán

1. Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành, lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt, các hoạt động kinh tế phát sinh được phản ánh bằng Đồng Việt Nam.

2. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty mẹ, Công ty con, áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ; Đối với các đơn vị trực thuộc áp dụng hình thức hạch toán báo sổ.

3. Chứng từ sổ sách kế toán (*kể cả dữ liệu trong phần mềm kế toán*) của Công ty đảm bảo chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty. Việc lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật.

4. Việc cung cấp thông tin, chứng từ, sổ sách kế toán ra bên ngoài doanh nghiệp chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của Giám đốc hoặc theo quy định của luật pháp.

5. Kế toán trưởng Công ty chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty theo chế độ và các chuẩn mực về kế toán của Nhà nước, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Giám đốc về toàn bộ công tác kế toán của Công ty.

6. Công ty thực hiện việc lập, nộp, công khai báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động sản xuất, kinh doanh hằng quý, năm theo quy định của pháp luật.

7. Sau Đại hội, các văn bản, biên bản họp Đại hội cán bộ công nhân viên và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại Phòng Kế toán - Tài chính Công ty theo quy định của pháp luật.

Các đơn vị chịu sự kiểm tra, thanh tra tài chính và kiểm toán của Công ty và các cơ quan tài chính có thẩm quyền.

Điều 32. Bộ máy kế toán tài vụ của Công ty

1. Công ty có Phòng Kế toán - tài chính, người chịu trách nhiệm về công tác tài chính kế toán ở Công ty là Kế toán trưởng. Nhiệm vụ của bộ máy kế toán là thực hiện chế độ hạch toán kế toán thống kê theo đúng luật kế toán, thống kê và luật kế toán của nhà nước, chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

2. Các đơn vị trực thuộc trong Công ty được Công ty phân cấp hạch toán phụ thuộc, có phụ trách bộ phận kế toán và các nhân viên kế toán. Phụ trách bộ phận kế toán các đơn vị chịu trách nhiệm trong nội dung được phân cấp về quản lý tài chính và chế độ kế toán.

Điều 33. Chế độ lưu giữ tài liệu liên quan đến công tác tài chính - kế toán

Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau:

1. Sổ sách (*nhật ký, sổ cái, sổ tổng hợp chi tiết, sổ chi tiết tài khoản*), chứng từ, tài liệu kế toán, báo cáo tài chính hằng năm (*kể cả báo cáo các đơn vị trực thuộc nộp lên Công ty*).

2. Báo cáo kiểm toán nội bộ, Báo cáo kiểm toán độc lập, Báo cáo của Kiểm soát viên, Kết luận của Thanh tra, cơ quan Thuế.

3. Các tài liệu khác theo quy định tại Điều 11 Luật Doanh nghiệp.

4. Công ty phải lưu giữ các tài liệu có liên quan đến công tác tài chính kế toán tại trụ sở chính và tại các đơn vị trực thuộc. Thời gian lưu giữ, bảo quản đúng chế độ và theo quy định của pháp luật.

5. Kế toán trưởng Công ty mẹ; Giám đốc, kế toán trưởng công ty con; Giám đốc và thủ trưởng của các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm lưu giữ bảo quản chứng từ theo đúng quy định.

Điều 34. Kiểm toán nội bộ

1. Công tác kiểm toán nội bộ nhằm mục đích giúp Giám đốc nắm bắt tình hình thực tế của các đơn vị trong Công ty để có biện pháp khắc phục kịp thời những tồn tại trong quá trình sản xuất, kinh doanh, đồng thời giúp các đơn vị tổ chức hạch toán kế toán thống kê đúng chế độ chính sách của Nhà nước quy định và thống nhất trong toàn Công ty.

2. Hằng năm, Công ty tổ chức công tác kiểm toán nội bộ định kỳ theo quý và 6 tháng, năm hoặc đột xuất đối với các đơn vị về các mặt quản lý kinh tế, tài chính, kế toán để xem xét chấn chỉnh công tác hạch toán, quản lý nghiệp vụ.

3. Thành phần tổ kiểm tra nội bộ gồm: Kiểm soát viên Công ty và các phòng nghiệp vụ có liên quan.

Điều 35. Công tác kiểm tra khác

Công ty chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của các cơ quan tài chính có thẩm quyền đối với công tác tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

Chương VII

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 36. Phân cấp quản lý

Các đơn vị thực hiện chế độ hạch toán phụ thuộc, có con dấu theo quy định của pháp luật, được mở tài khoản tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng theo sự phân cấp của Công ty và phù hợp với luật pháp. Các đơn vị được Công ty giao sử dụng một phần tài sản, tiền vốn của Công ty để thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn. Các đơn vị có quyền chủ động sản xuất, kinh doanh và chủ động tài chính theo sự phân cấp quản lý của Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 37. Giao vốn cho các đơn vị trực thuộc

1. Các đơn vị trực thuộc (*hạch toán phụ thuộc*) sẽ được Công ty xem xét cấp vốn lưu động, trang thiết bị, tài sản cố định... phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh cho đơn vị theo kế hoạch giao hàng năm hoạt động. Giám đốc các đơn vị là người trực tiếp quản lý sử dụng tiền vốn và các khoản công nợ khác, chịu trách nhiệm vật chất trước Giám đốc và pháp luật về quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích.

2. Công ty TNHH MTV Lâm trường Đắk Tô là doanh nghiệp do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ (*gọi tắt là công ty con*), được Công ty xem xét đầu tư vốn và tài sản, trang thiết bị, tài sản cố định... phục vụ cho công tác sản xuất kinh doanh.

3. Nếu Công ty bị thua lỗ không bảo toàn được vốn, sau khi kiểm toán bị lỗ liên tục từ 2-3 năm hoặc bị thất thoát tài sản của Công ty và theo quy định trong điều lệ Công ty, Giám đốc Công ty con phải báo cáo giải trình với Chủ tịch Công ty con và Công ty mẹ nêu rõ mức lỗ, nguyên nhân và trách nhiệm Ban Giám đốc và có phương án khắc phục. Tùy theo mức độ lỗ, số năm bị lỗ, nguyên nhân chủ quan gây ra lỗ và mức độ trách nhiệm cụ thể, Ban Giám đốc Công ty con phải bị xử lý theo các hình thức sau: Giảm hoặc cắt tiền thưởng; không nâng bậc lương (*nếu đã đến hạn*); hạ bậc lương, khiển trách, cảnh cáo, thôi chức đương nhiệm, bồi thường vật chất theo quy định, nếu nguyên nhân là các sai phạm khác thì theo quy định của pháp luật.

4. Giám đốc, chi nhánh lâm trường... hạch toán phụ thuộc: Nếu không hoàn thành kế hoạch công ty giao hàng năm, bị thất thoát tài sản của Công ty và theo quy định trong điều lệ Công ty thì Giám đốc, Chi nhánh lâm trường... báo cáo giải trình với Giám đốc và Chủ tịch Công ty, trong đó nêu rõ nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan, trách nhiệm của Giám đốc các đơn vị hạch toán phụ thuộc, có phương án khắc phục. Tùy theo mức độ trách nhiệm cụ thể, Giám đốc các chi nhánh, lâm trường phải bị xử lý theo các hình thức của Công ty.

Chương VIII

CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ HẠN MỨC PHÊ DUYỆT CHI PHÍ, GIAO DỊCH KINH TẾ

Điều 38. Trách nhiệm của Giám đốc

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, có quyền điều hành cao nhất trong Công ty và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch công ty trước pháp luật trong việc điều hành hoạt động, quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn và các khoản thu chi của Công ty.

2. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện công tác kế toán theo quy định của Luật Kế toán. Chịu trách nhiệm về chế độ báo cáo kế toán, thống kê, tài chính, nội dung của báo cáo tài chính và các thông tin tài chính công khai theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ tịch Công ty.

4. Xây dựng các quy trình, thủ tục, định mức chi phí của Công ty theo quy định của pháp luật, phù hợp với Điều lệ Công ty, các quyết định cụ thể của Chủ tịch Công ty.

5. Xây dựng và trình Chủ tịch công ty duyệt kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm. Trên cơ sở kế hoạch được duyệt, chủ động giao kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh.

Điều 39. Trách nhiệm của Phó Giám đốc

1. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Công ty và trước pháp luật về việc điều hành một số lĩnh vực do Giám đốc phân công trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm của Kế toán trưởng Công ty

1. Thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính - kế toán.

2. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán để thực hiện nhiệm vụ của kế toán theo quyết định của Giám đốc nhằm đáp ứng yêu cầu quy định tại Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Tổ chức lập báo cáo tài chính toàn Công ty.

4. Chịu sự lãnh đạo của Giám đốc về chuyên môn nghiệp vụ.

5. Có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán khi thực hiện, kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản, nguồn hình thành tài sản.

6. Báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán với Giám đốc, Chủ tịch Công ty.

7. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch công ty và pháp luật về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm quyền hạn của Kế toán trưởng theo quy định của Luật Kế toán.

Điều 41. Trách nhiệm của kế toán viên

Nhân viên Phòng Kế toán - Tài chính của Công ty được giao theo sự phân công của phòng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ, kịp thời nhiệm vụ đã được phân công:

1. Hướng dẫn, giải đáp vướng mắc, hỗ trợ trực tiếp các công việc liên quan đến công tác tài chính - kế toán cho các đơn vị (nếu cần).

2. Thường xuyên nắm bắt, phản ánh kịp thời cho lãnh đạo phòng tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch (*doanh thu, chi phí, trạng bị tài sản...*); tình hình quản lý và thu hồi các khoản công nợ; thực hiện đầu tư theo ủy quyền của Công ty; tình hình chấp hành chế độ chính sách về tài chính - kế toán.

3. Nắm bắt tình hình tồn quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và đôn đốc các đơn vị nộp tiền mặt vào tài khoản ngân hàng hoặc chuyển tiền về Công ty khi số tiền tồn quỹ tiền mặt và tiền gửi ngân hàng vượt định mức quy định.

4. Kiểm tra và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra các Báo cáo quyết toán tháng, quý, năm các đơn vị chuyên quản.

5. Chủ động thực hiện kiểm tra tình hình chấp hành các chế độ chính sách về tài chính - kế toán của các đơn vị.

6. Báo cáo kịp thời và đề nghị lãnh đạo phòng phát hành văn bản yêu cầu đơn vị cấp dưới chân chính các công việc thực hiện chưa tốt.

Điều 42. Trách nhiệm của Giám đốc các đơn vị trực thuộc

1. Giám đốc đơn vị là người có quyền điều hành cao nhất tại đơn vị, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ do Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Chủ tịch Công ty và pháp luật hiện hành trong việc điều hành hoạt động, quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn và các khoản thu chi tại đơn vị.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh được giao, quyết định các khoản thu, chi tại đơn vị theo quy định của Công ty và pháp luật có liên quan.

3. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác tài chính - kế toán theo quy định của Luật Kế toán và quy định của Công ty. Chịu trách nhiệm về chế độ báo cáo kế toán, thống kê, tài chính, nội dung báo cáo tài chính và các thông tin tài chính công khai tại đơn vị.

4. Thực hiện các trách nhiệm khác.

Điều 43. Trách nhiệm của bộ phận kế toán đơn vị công ty con

1. Thực hiện các quy định của pháp luật về tài chính - kế toán.

2. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán tại đơn vị để thực hiện nhiệm vụ của kế toán đáp ứng yêu cầu quy định tại Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Tổ chức lập báo cáo tài chính tại đơn vị.

4. Chịu sự lãnh đạo của Giám đốc đơn vị và chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của Kế toán trưởng Công ty mẹ về chuyên môn nghiệp vụ.

5. Có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán khi thực hiện, kiểm tra, giám sát các khoản thu, chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản.

6. Báo cáo kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính - kế toán với Giám đốc đơn vị, Kế toán trưởng, Giám đốc Công ty mẹ. Trong quá trình giải quyết công việc nếu gặp khó khăn, vướng mắc, phải báo cáo kịp thời với Kế toán trưởng Công ty mẹ để tìm biện pháp giải quyết; trường hợp phụ trách kế toán chưa báo cáo nhưng đã tự giải quyết thì phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với hậu quả gây ra.

7. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc đơn vị, Kế toán trưởng, Giám đốc Công ty mẹ và trước pháp luật về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm quyền hạn của phụ trách kế toán theo quy định của Luật Kế toán và các quy định khác của Công ty.

Chương IX

QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 44. Quản lý vốn đầu tư vào công ty con và doanh nghiệp khác

1. Công ty thực hiện các quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu đối với số vốn đầu tư tại công ty con, các doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật. Việc quản lý vốn tại doanh nghiệp khác được thực hiện thông qua việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty với tư cách là chủ sở hữu vốn.

2. Công ty có trách nhiệm xây dựng, ban hành quy chế quản lý tài chính đối với công ty con là công ty TNHH MTV do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức theo dõi quản lý một cách có hiệu quả các khoản vốn đầu tư ra ngoài Công ty. Giám đốc và người đại diện phần vốn góp của Công ty tại công ty con có trách nhiệm báo cáo hằng quý và hằng năm cho Chủ tịch công ty tình hình và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.

Trường hợp Công ty nắm ít cổ phần hoặc vốn góp tại doanh nghiệp khác (dưới 5% vốn điều lệ) thì Công ty không cần phải cử người đại diện phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác. Trường hợp này, Giám đốc Công ty phân công hoặc ủy quyền người thực hiện các quyền của cổ đông, người góp vốn theo quy định tại điều lệ của doanh nghiệp khác.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện

1. Quyền, nghĩa vụ người đại diện tại doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Công ty được quy định trong điều lệ của doanh nghiệp đó và các quy định của Công ty.

2. Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp. Định kỳ hoặc theo yêu cầu, báo cáo cho Công ty về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của doanh nghiệp khác và việc thực hiện các nhiệm vụ được Công ty giao.

3. Người đại diện tham gia cơ quan quản lý điều hành doanh nghiệp khác phải nghiên cứu đề xuất phương hướng biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp khác để trình Công ty phê duyệt. Đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp đưa ra thảo luận trong Ban Giám đốc Công ty, hay với bên liên doanh như phương hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp được Công ty góp vốn.

4. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, điều lệ doanh nghiệp và Công ty giao.

5. Chịu trách nhiệm trước Công ty về các nhiệm vụ được giao. Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Tiền lương, thưởng và quyền lợi của người đại diện

1. Người đại diện tham gia ban quản lý, điều hành doanh nghiệp khác được hưởng lương, thưởng và các quyền lợi khác theo quy định trong điều lệ doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó trả.

2. Người đại diện phân vốn của Công ty ở doanh nghiệp khác không được doanh nghiệp đó trả lương, phụ cấp, thưởng và các chế độ quyền lợi khác thì Công ty là người trả lương, phụ cấp, tiền thưởng và chế độ khác cho người đại diện.

3. Người đại diện không được cùng lúc hưởng lương, tiền thưởng ở cả hai nơi.

Chương X

MỐI QUAN HỆ TÀI CHÍNH GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CON VÀ CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC CỔ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY

Điều 47. Mối quan hệ tài chính giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Lâm trường Đắk Tô

1. Công ty TNHH MTV Lâm trường Đắk Tô (*công ty con*) có nghĩa vụ thực hiện kế hoạch kinh doanh chung của Công ty mẹ, chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh, phối hợp với Công ty mẹ thực hiện các hợp đồng kinh tế do Công ty mẹ ký kết và giao cho công ty con thực hiện, việc Công ty mẹ giao công việc cho Công ty con thực hiện được thực hiện dưới hình thức ký kết hợp đồng hoặc các hình thức giao quyết định chỉ tiêu kế hoạch.

2. Công ty mẹ - Công ty con có trách nhiệm ưu tiên sử dụng và cung cấp tất cả dịch vụ nội bộ, đơn giá dịch vụ và các điều kiện khác sẽ do các đơn vị tự thỏa thuận và báo cáo Công ty mẹ quyết định.

3. Công ty con chịu sự giám sát, kiểm tra của Công ty mẹ; định kỳ hằng quý và hằng năm báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về Công ty và báo cáo tài chính của công ty với Công ty mẹ.

4. Lợi nhuận thực hiện sau thuế của Công ty con được sử dụng theo phương án được Chủ tịch Công ty mẹ phê duyệt và báo cáo về công ty mẹ.

5. Công ty con tiến hành kiểm tra, kiểm toán hàng năm đối với các cơ quan chức năng theo quy định. Hằng năm, Công ty mẹ kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đến kết quả cuối cùng của công ty con.

6. Định kỳ, Công ty con có trách nhiệm nộp về Công ty (Công ty mẹ) những khoản sau: Chi phí quản lý Công ty phân bổ, nộp lợi nhuận chia cho chủ sở hữu và hoàn trả các chi phí do công ty mẹ chi hộ.

Điều 48. Mọi quan hệ tài chính giữa Công ty với Ban quản lý dự án 5 triệu ha rừng

1. Ban quản lý dự án 5 triệu ha rừng có trách nhiệm thực hiện kế hoạch các hoạt động theo đơn đặt hàng của Nhà nước theo dự án, phối hợp với Công ty thực hiện xây dựng kế hoạch hàng năm theo dự án.

2. Công ty - Ban quản lý dự án 5 triệu ha rừng có trách nhiệm ưu tiên sử dụng và cung cấp tất cả dịch vụ nội bộ, đơn giá dịch vụ theo sản phẩm hoạt động công ích do Nhà nước giao kế hoạch hàng năm.

3. Ban quản lý dự án 5 triệu ha rừng chịu sự giám sát, kiểm tra của Công ty và cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước. Định kỳ hằng quý và hằng năm báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về tình hình thực hiện và báo cáo quyết toán vốn đầu tư, tài chính của đơn vị với Công ty và các cơ quan quản lý nhà nước theo qui định hiện hành đối với đơn vị chủ đầu tư có sử dụng vốn Ngân sách Nhà nước.

Điều 49. Mọi quan hệ giữa Công ty với các doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Công ty

1. Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn thông qua người trực tiếp quản lý phần vốn của Công ty tại các công ty này và theo quy định của điều lệ của doanh nghiệp.

2. Các quan hệ về kinh tế giữa Công ty và các doanh nghiệp khác có vốn đầu tư của Công ty được thực hiện thông qua các hợp đồng kinh tế.

Điều 50. Mọi quan hệ giữa Công ty và các đơn vị trực thuộc

1. Đơn vị trực thuộc không có vốn và tài sản riêng, toàn bộ tài sản của đơn vị trực thuộc thuộc sở hữu của Công ty. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

2. Công ty thực hiện chế độ hạch toán kế toán tập trung. Kết quả hoạt động của các đơn vị phụ thuộc được thể hiện kế hoạch công ty giao hàng năm.

3. Quyền hạn và trách nhiệm của Đơn vị trực thuộc:

a) Hạch toán phụ thuộc theo phân cấp, có con dấu;

b) Được Công ty ủy quyền quản lý vốn và tài sản tại đơn vị, thực hiện các quyết định của Công ty về điều chỉnh vốn và các nguồn lực, chủ động tổ chức sản xuất kinh doanh theo nhiệm vụ, chức năng và kế hoạch được giao. Đơn vị chịu trách nhiệm trước Công ty về bảo toàn và hiệu quả sử dụng vốn, tài sản đơn vị;

c) Được quyền ký các hợp đồng kinh tế và thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ theo phân cấp hoặc ủy quyền của Công ty;

d) Hằng năm, lập kế hoạch chi tiết về doanh thu, chi phí, đầu tư, mua sắm tài sản, đổi mới công nghệ, nghiên cứu khoa học và đào tạo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị trên cơ sở đảm bảo tiết kiệm, hạ giá thành, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm - dịch vụ trình Công ty xem xét phê duyệt;

e) Đơn vị có trách nhiệm về chi phí thực tế phát sinh ở đơn vị theo quy định và được phản ánh tập trung ở Công ty.

4. Hạch toán phụ thuộc theo phân cấp, có con dấu.

5. Được Công ty ủy quyền quản lý vốn và tài sản tại đơn vị, thực hiện các quyết định của Công ty về điều chỉnh vốn và các nguồn lực, chủ động tổ chức sản xuất kinh doanh theo nhiệm vụ, chức năng và kế hoạch được giao. Đơn vị chịu trách nhiệm trước Công ty về bảo toàn và hiệu quả sử dụng vốn, tài sản đơn vị.

6. Được quyền ký các hợp đồng kinh tế và thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ theo phân cấp hoặc ủy quyền của Công ty.

7. Hằng năm, lập kế hoạch chi tiết về doanh thu, chi phí, đầu tư, mua sắm tài sản, đổi mới công nghệ, nghiên cứu khoa học và đào tạo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị trên cơ sở đảm bảo tiết kiệm, hạ giá thành, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm - dịch vụ trình Công ty xem xét phê duyệt.

8. Đơn vị có trách nhiệm về chi phí thực tế phát sinh ở đơn vị theo quy định và được phản ánh tập trung ở Công ty.

9. Công ty đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Đơn vị trực thuộc.

10. Các đơn vị chịu sự kiểm tra, thanh tra tài chính và kiểm toán của Công ty và các cơ quan tài chính có thẩm quyền.

Chương XI

CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Điều 51. Công khai thông tin doanh nghiệp

Định kỳ, công ty thực hiện công khai thông tin tài chính, bao gồm:

a) Báo cáo tài chính sáu (06) tháng, Báo cáo tài chính năm (*đã được kiểm toán*) của công ty và báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán;

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm;

- c. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm (05) năm;
- d. Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hằng năm;
- d. Báo cáo tiền lương, tiền thưởng;
- e. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Hình thức công khai thông tin doanh nghiệp

Việc công khai thông tin tài chính định kỳ được thực hiện trên trang thông tin điện tử của công ty, các Báo cáo bằng văn bản, trên các ấn phẩm khác của công ty, công khai tại Hội nghị cán bộ, công nhân, viên chức hàng năm và các hình thức công khai khác theo quy định hiện hành.

Chương XII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 53. Xử lý vi phạm quy chế quản lý tài chính

Đơn vị, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế quản lý tài chính của Công ty, tùy theo mức độ vi phạm và mức độ hậu quả gây ra đều phải chịu hình thức kỷ luật tương xứng từ cảnh cáo, trừ thưởng, đình chỉ công tác cho đến sa thải theo quy định của Công ty.

Điều 54. Tổ chức thực hiện

1. Quy chế quản lý tài chính này quy định cụ thể về việc quản lý tài chính của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đắk tô, việc tổ chức thực hiện các quy định về phân cấp quản lý tài chính phải dựa trên những quy định của pháp luật hiện hành và các quy chế khác của Công ty có liên quan.

2. Quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô có hiệu lực kể từ ngày chủ sở hữu ký quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần bổ sung, sửa đổi, Giám đốc, Chủ tịch Công ty báo cáo chủ sở hữu thông qua Sở Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Tuấn